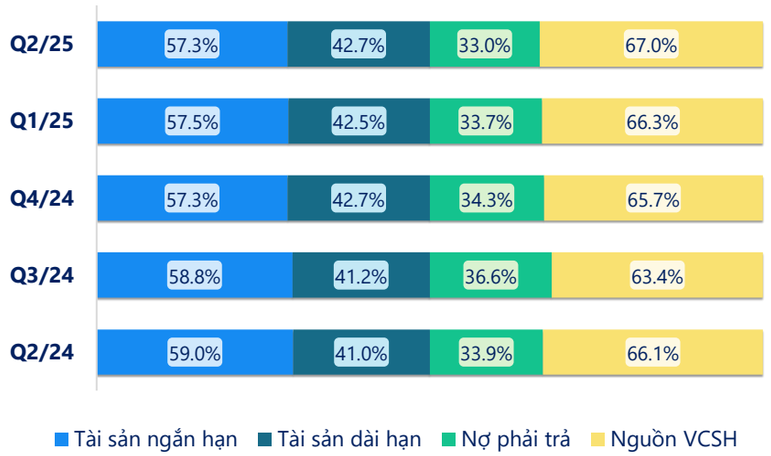
FireAnt

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,114
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,674
SL cổ phiếu LH	377,748,384
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,594,630
% sở hữu nước ngoài	3.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,722
P/E	12.2
EPS	1,021

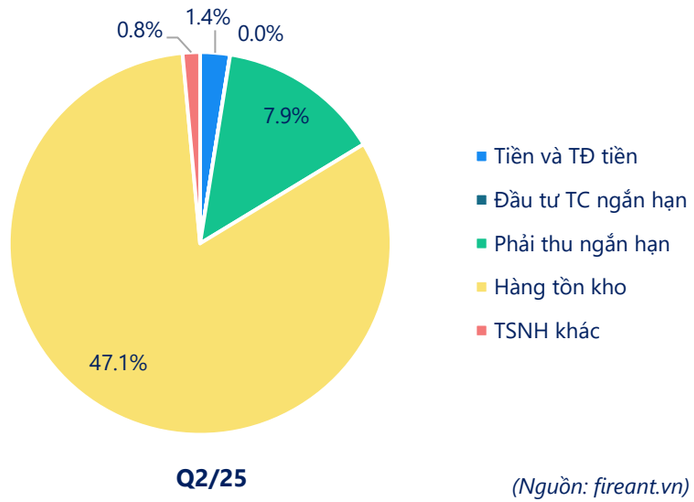
	YTD	1T	3T	6T
IJC	7.8%	18.8%	9.8%	7.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



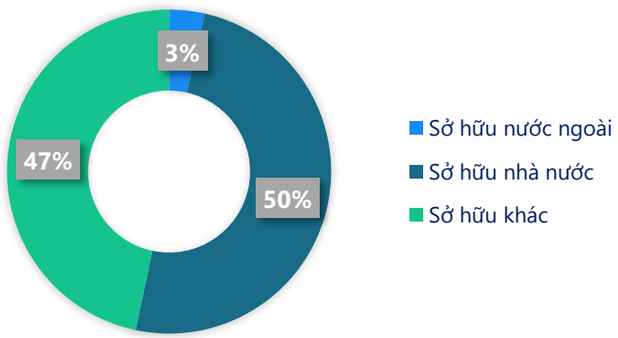
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



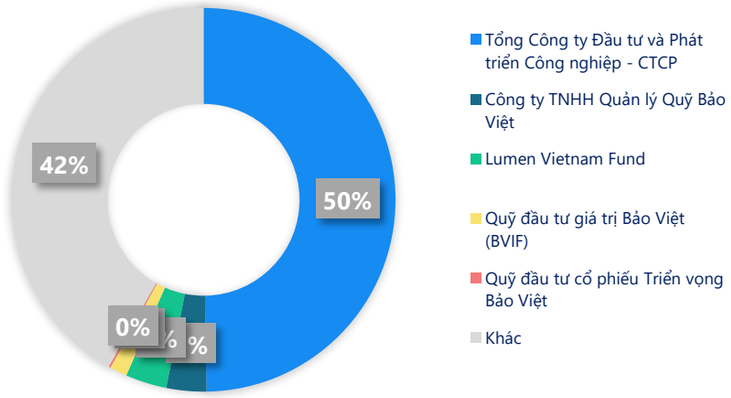
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



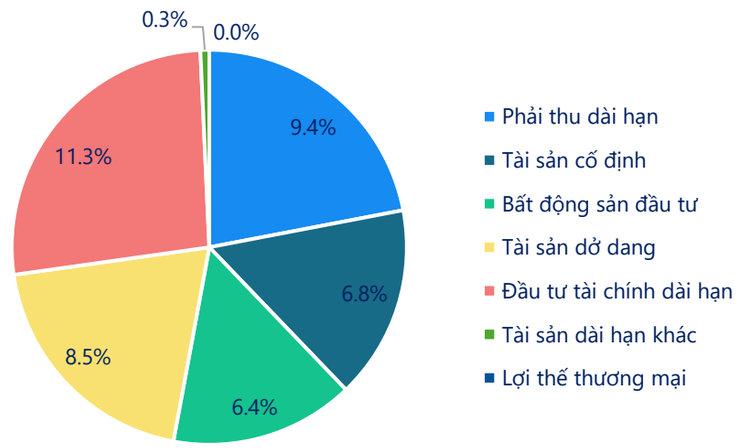
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

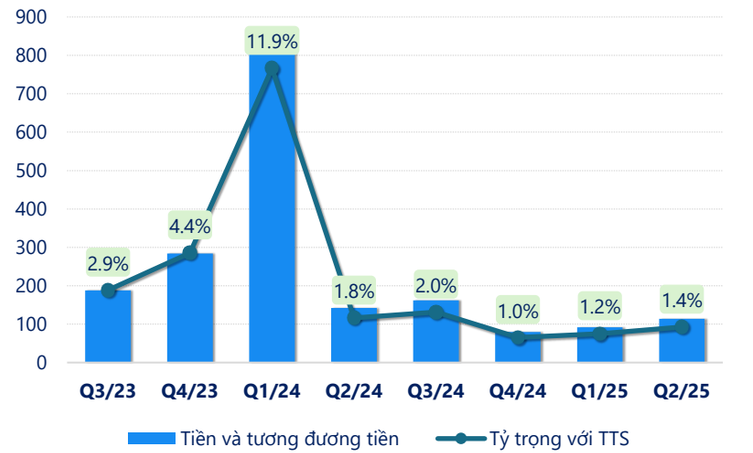


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

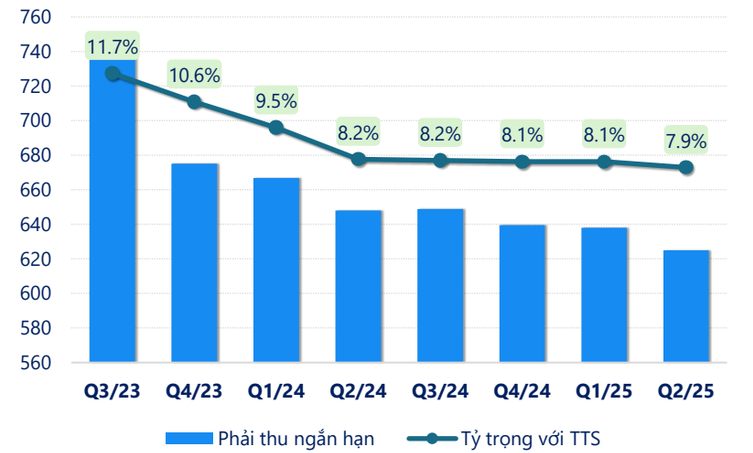
CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

Tiền và tương đương tiền



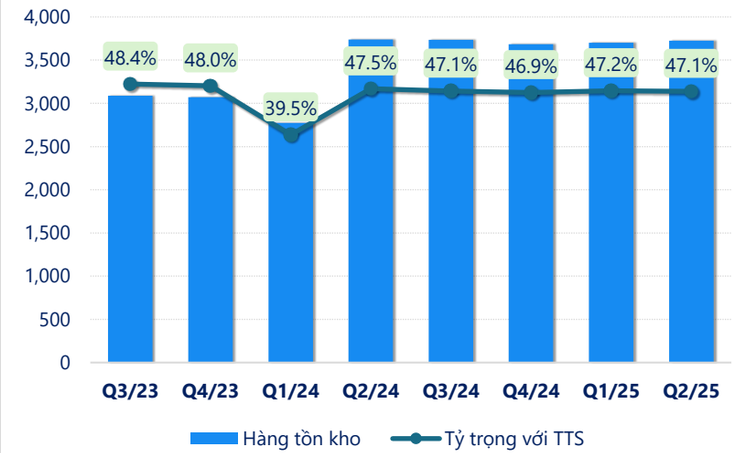
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



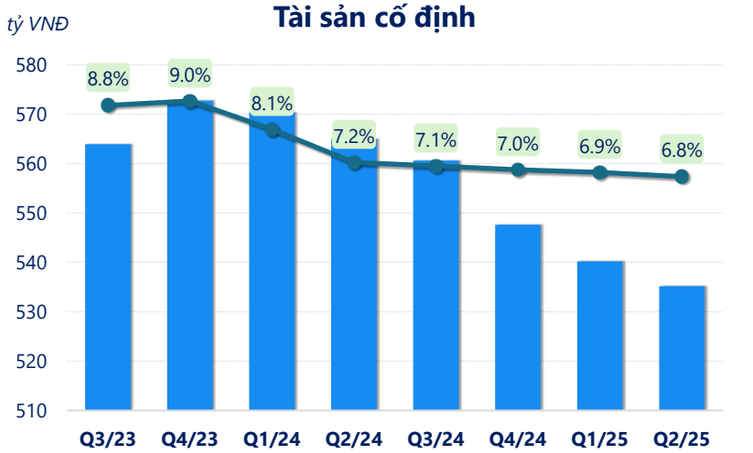
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



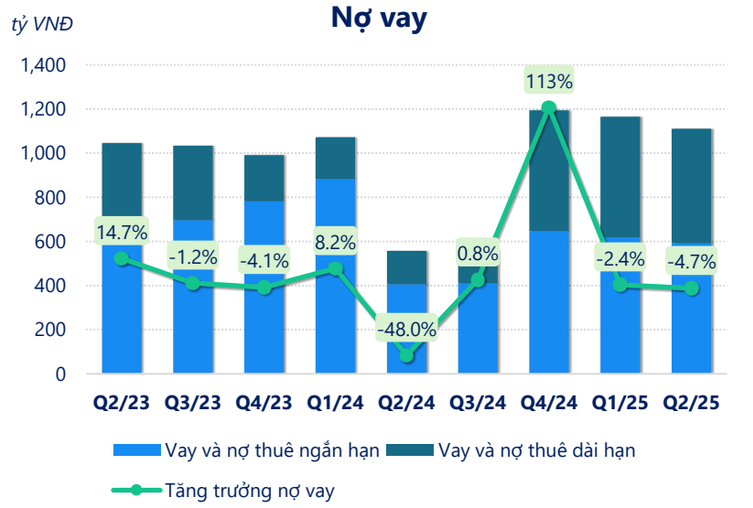
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



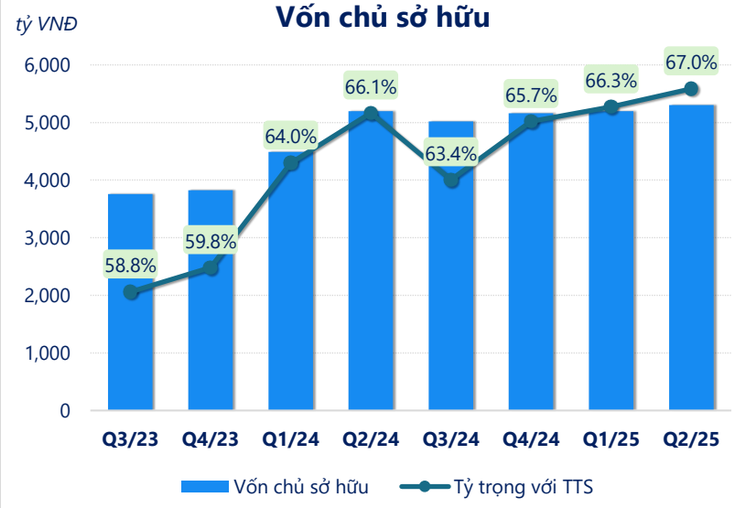
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

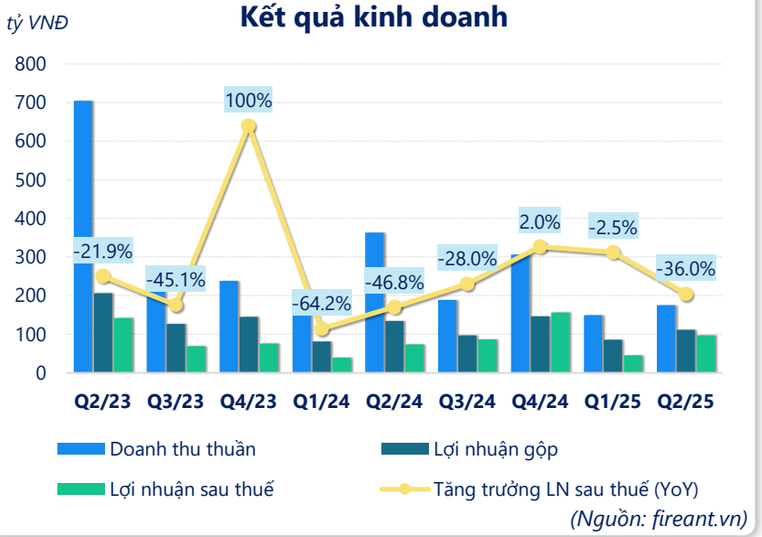


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

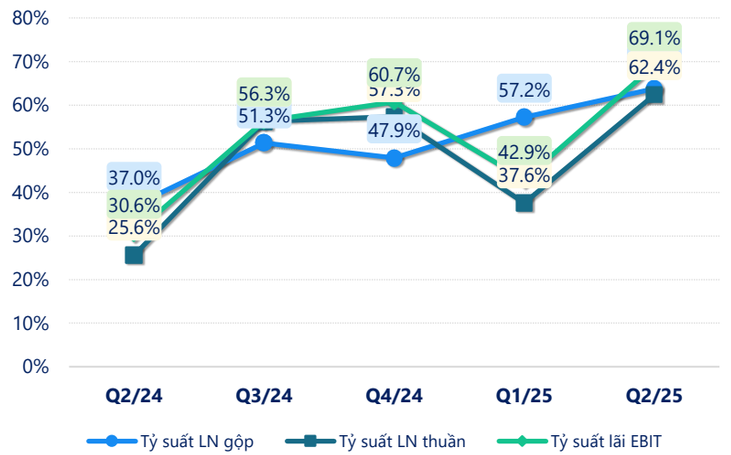
CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

Kết quả kinh doanh



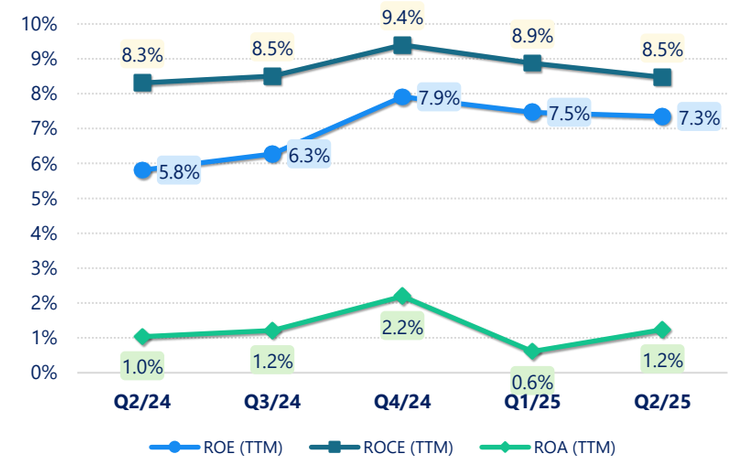
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



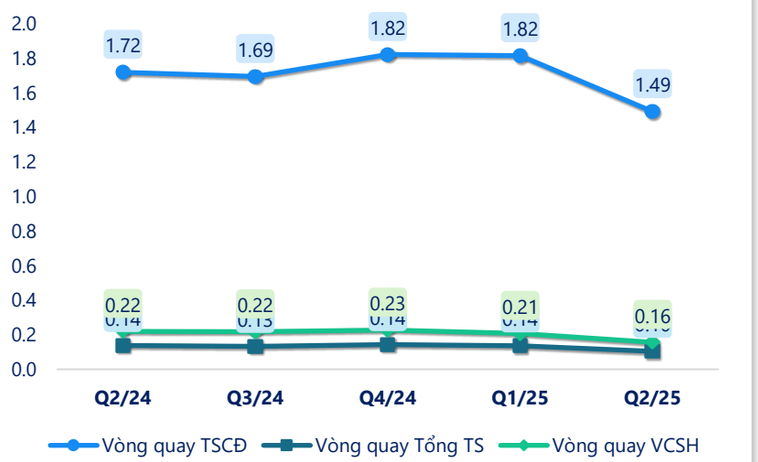
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



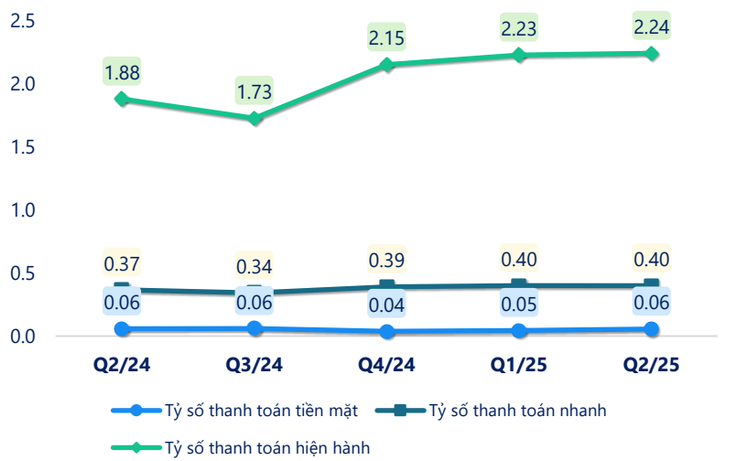
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



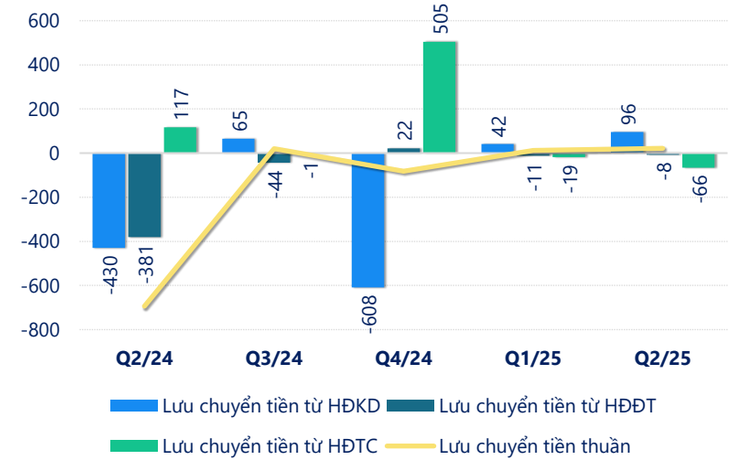
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,909**	**7,843**	**0.8%**
Tài sản ngắn hạn	4,530	4,498	0.7%
Tiền và tương đương tiền	114	79.9	42.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.75	16.3	-95.4%
Phải thu ngắn hạn	625	636	-1.8%
Hàng tồn kho	3,725	3,683	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	66.5	82.6	-19.5%
Tài sản dài hạn	**3,378**	**3,345**	**1.0%**
Phải thu dài hạn	743	774	-4.0%
Tài sản cố định	535	548	-2.3%
Bất động sản đầu tư	509	515	-1.0%
Tài sản dở dang	671	643	4.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	895	835	7.3%
Tài sản dài hạn khác	**24.5**	**31.4**	**-21.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,607	2,691	-3.1%
Nợ ngắn hạn	**2,021**	**2,089**	**-3.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	591	647	-8.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	714	697	2.4%
Nợ dài hạn	587	602	-2.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	519	547	-5.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,301**	**5,151**	**2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**5,301**	**5,151**	**2.9%**
Vốn điều lệ	3,777	3,777	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	363	189	306	150	175
Giá vốn hàng bán	229	92.1	160	64.0	63.5
Lợi nhuận gộp	134	97.1	147	85.6	112
Doanh thu HĐTC	1.45	1.34	1.12	0.38	1.71
Chi phí TC	17.8	7.70	20.1	9.26	22.7
Chi phí lãi vay	18.7	7.85	9.75	9.26	11.6
LN trong công ty LKLD	2.44	43.5	76.8	7.07	43.9
Chi phí bán hàng	8.74	9.92	8.70	9.43	7.99
Chi phí QLDN	18.7	17.8	20.1	18.2	17.4
LN thuần từ HĐKD	92.9	107	176	56.2	109
Lợi nhuận khác	-0.46	-7.77	0.68	-1.25	0.12
LN trước thuế	92.4	98.8	176	55.0	110
Lợi nhuận sau thuế	73.5	86.6	156	45.5	97.5
LNST của CĐ cty mẹ	73.5	86.6	156	45.5	97.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-430	65.2	-608	41.8	95.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-381	-43.7	21.5	-11.2	-8.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	117	-1.35	505	-18.7	-65.6
Tiền đầu kỳ	836	142	162	79.9	91.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-694**	**20.1**	**-82.0**	**11.9**	**21.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.03
Tiền cuối kỳ	142	162	79.9	91.9	114

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic